

TIẾT 87

Bài 29. TÍNH TOÁN VỚI SỐ THẬP PHÂN (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ với số thập phân.
- So sánh được hai số thập phân.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh chủ động tham gia, phối hợp và trao đổi thông qua hoạt động nhóm, cặp đôi. Tự tin trình bày ý kiến và bảo vệ ý kiến của cá nhân.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Sử dụng kiến thức cộng, trừ, so sánh hai số thập phân để giải quyết các bài toán tổng hợp từ thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực suy nghĩ, tìm tòi, hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Trung thực: Nhóm báo cáo trung thực, đánh giá công bằng, khách quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Chuẩn bị của GV:** Máy chiếu để chiếu các phép đặt tính. Nếu có điều kiện, GV chuẩn bị một điện thoại thông minh có tải phần mềm Flickers, mã làm bài cho mỗi HS để có thể đánh giá nhanh chóng các kĩ năng của HS.

2. Chuẩn bị của HS: Ôn lại cách đặt tính cộng, trừ số thập phân đã học ở Tiểu học; xem lại cách đưa các phép tính với số nguyên về các phép tính với số tự nhiên đã học trong Chương III.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

- a) **Mục tiêu:** HS nhận thấy nhu cầu thực hiện phép tính đối với số thập phân.
 b) **Nội dung:** Bài toán mở đầu SGK.
 c) **Sản phẩm:** HS mong muốn tìm hiểu cách thực hiện các phép tính với số thập phân.
 d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu phần mở bài SGK. Cho HS đọc, trả lời phép tính cần thực hiện trong bài toán. Để thực hiện phép cộng này ta làm như thế nào? ⇒ Bài mới.	HS đọc, trả lời: Tính: $(-0,32) + 0,11$.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

1. Phép cộng, trừ số thập phân.

- a) **Mục tiêu:** HS thực hiện được phép cộng, trừ hai số thập phân.
 b) **Nội dung:** Phần Tìm tòi – Khám phá; HĐ1; HĐ2; Hộp kiến thức; Ví dụ 1 (SGK).
 c) **Sản phẩm:** HĐ1: a) $2,259 + 0,31 = 2,569$; b) $11,325 - 0,15 = 11,175$.
 HĐ2: a) $(-2,5) + (-0,25) = -2,75$; b) $(-1,4) + 2,1 = 0,7$; c) $3,2 - 5,7 = -2,5$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– HĐ1: GV viết lên bảng phép đặt tính cộng và phép đặt tính trừ, yêu cầu HS thực hiện hai phép đặt tính đó để tìm kết quả. Nhận xét, kết luận. – Chiếu nội dung HĐ2 lần lượt từng ý, cho HS đọc và thực hiện cá nhân. Sau mỗi ý GV chốt luôn kiến thức (trong Hộp kiến thức).	HS thực hiện cá nhân. 2 HS lên trình bày trên bảng. HS dưới lớp nhận xét. HS thực hiện cá nhân, lần lượt lên bảng thực hiện sau đó nhận xét chia sẻ với bạn.

<ul style="list-style-type: none"> – GV chiếu nội dung Hộp kiến thức và giảng giải. Cho HS đọc chia sẻ của Pi. – GV hướng dẫn HS thực hiện ví dụ (cách đặt tính, cách trình bày,...) 	<p>Ghi chép nội dung kiến thức cần nhớ.</p> <p>HS chú ý quan sát, trình bày, ghi chép theo hướng dẫn.</p>
--	---

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

a) Mục tiêu: Học sinh áp dụng công thức thực hiện được phép cộng, trừ hai số thập phân có số âm.

b) Nội dung: Luyện tập 1; Bài tập 7.5 trong SGK.

c) Sản phẩm:

– Luyện tập 1: a) $(-2,259) + 31,3 = 31,3 - 2,259 = 29,041$;

b) $(-0,325) - 11,5 = -(0,325 + 11,5) = -11,825$.

– Bài tập 7.5 (SGK):

a) $(-12,245) + (-8,235) = -(12,245 + 8,235) = -20,48$;

b) $(-8,451) + 9,79 = 9,79 - 8,451 = 1,339$;

c) $(-11,254) - (-7,35) = (-11,254) + 7,35 = -(11,254 - 7,35) = -3,904$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Chiếu nội dung Luyện tập 1: cho HS thực hiện cá nhân, mời 2 em lên bảng thực hiện.</p> <p>GV nhận xét, đánh giá bài làm của HS.</p> <p>– Cho HS thảo luận theo nhóm cặp đôi thực hiện. Sau đó GV mời đại diện 3 nhóm lên trình bày.</p> <p>Nhận xét, đánh giá bài làm của HS; chốt lại quy tắc cộng, trừ các số thập phân.</p> <p>Chú ý những sai lầm HS có thể mắc phải: $(-0,325) - 11,5 = 11,825$; $(-11,254) - (-7,35) = (-11,254) - 7,35 = -18,604$.</p>	<p>HS thực hiện cá nhân. 2 HS lên bảng thực hiện.</p> <p>HS dưới lớp kiểm tra bài chéo nhau theo cặp, nhận xét góp ý, báo cáo kết quả.</p> <p>HS thực hiện theo cặp đôi. Đại diện 3 nhóm lên trình bày. HS dưới lớp nhận xét bài của bạn.</p>

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a) Mục tiêu: Sử dụng kiến thức cộng, trừ, so sánh hai số thập phân để giải quyết các bài toán thực tiễn.

b) Nội dung: Vận dụng 1 (SGK).

c) Sản phẩm:

(1) Bài toán mở đầu: Độ cao của tàu sau khi tàu nổi lên thêm 0,11 km là:

$$(-0,32) + 0,11 = -0,21 \text{ (km)}.$$

(2) Vì $-3,4 > -49,3$ nên nhiệt độ trung bình năm ở Bắc Cực cao hơn ở Nam Cực. Ta có:

$$(-3,4) - (-49,3) = 45,9.$$

Vậy nhiệt độ trung bình năm ở Bắc Cực cao hơn ở Nam Cực là 45,9 độ C.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– Chiếu lại đề Bài toán mở đầu, thực hiện chung cả lớp. GV ghi bảng lời giải.	HS đọc và trình bày lời giải.
– Chiếu bài tập Vận dụng (2). Cho HS thảo luận theo nhóm 4 HS, cho HS lên bảng trình bày lời giải. GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của HS.	HS thảo luận theo nhóm. Đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày; các nhóm khác quan sát, nhận xét, chia sẻ.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn lại quy tắc cộng, trừ số thập phân.
- Bài tập 7.9; 7.10/SGK tr.34; 7.8/SBT tr.27.

TIẾT 88

Bài 29. TÍNH TOÁN VỚI SỐ THẬP PHẦN (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

Học sinh thực hiện được phép tính nhân các số thập phân.

2. Phát triển năng lực

- Tự học và tự chủ: Học sinh tự học, tìm tòi, khám phá; tự nhận ra được sai sót và cách khắc phục sai sót; tự giác trong các hoạt động học tập.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: HS quy được phép nhân các số thập phân bất kì về phép nhân các số thập phân dương.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: HS biết vận dụng kiến thức về phép nhân số thập phân vào bài toán thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Trung thực: Các nhóm báo cáo trung thực, đánh giá công bằng, khách quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu để chiếu các phép đặt tính.

2. Chuẩn bị của HS: Ôn lại cách đặt tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân đã học ở Tiểu học; xem lại cách đưa các phép tính với số nguyên về các phép tính với số tự nhiên đã học trong Chương III.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (6 phút)

a) **Mục tiêu:** Cho HS nhớ lại quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu, khác dấu. Cùng cố phép cộng, trừ các số thập phân.

b) **Nội dung:** Cho HS chơi trò chơi: HỘP QUÀ MAY MẮN gồm 4 hộp quà tương ứng 4 câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng sẽ có 1 món quà nhỏ như: một cái thước kẻ, một chiếc bút bi, một tấm bưu thiếp, một tràng pháo tay,...

Câu 1: Kết quả của phép tính $5 \cdot (-4)$ là: A. 20; B. -20; C. 9; D. -1.

Câu 2: Kết quả của phép tính $(-2,1) - 3,2$ là: A. 5,3; B. -1,1; C. -5,3; D. 4,3.

Câu 3: Kết quả của phép tính $(-4) \cdot (-5)$ là: A. 20; B. -9; C. -20; D. -5.

Câu 4: Kết quả của phép tính $3,7 + (-6,8)$ là: A. 10,5; B. -10,5; C. 3,1; D. -3,1.

c) **Sản phẩm:** Câu 1: B; Câu 2: C; Câu 3: A; Câu 4: D.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV sử dụng phần mềm Powerpoint tạo hiệu ứng trò chơi. Cho HS chọn câu hỏi, trả lời lần lượt. Với mỗi câu trả lời đúng có thể cho HS nhắc lại kiến thức tương ứng (chẳng hạn sau khi HS trả lời câu 3 GV cho HS nhắc lại quy tắc nhân hai số nguyên âm). Kết thúc trò chơi, GV đặt câu hỏi: Phép nhân số thập phân có thực hiện tương tự như nhân hai số nguyên hay không? \Rightarrow Bài mới.	HS chọn hộp quà và trả lời câu hỏi, nhắc lại kiến thức tương ứng.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (20 phút)

2. Phép nhân số thập phân

a) **Mục tiêu:** HS nêu được quy tắc nhân hai số thập phân. Thực hiện được phép nhân hai số thập phân cùng dấu, khác dấu.

b) Nội dung: Phần Tìm tòi – Khám phá; Hộp kiến thức; Ví dụ 2 trong SGK.

c) Sản phẩm:

– Tìm tòi khám phá: HĐ3: $12,5 \cdot 1,2 = 15$;

HĐ4: a) $(-12,5) \cdot 1,2 = -(12,5 \cdot 1,2) = -15$; b) $(-12,5) \cdot (-1,2) = 12,5 \cdot 1,2 = 15$.

– Hộp kiến thức: Nhân hai số cùng dấu: $(-a) \cdot (-b) = a \cdot b$ với $a, b > 0$;

Nhân hai số khác dấu: $(-a) \cdot b = a \cdot (-b) = -(a \cdot b)$ với $a, b > 0$.

– Ví dụ 2 (SGK tr.32).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– HĐ3: GV ghi phép tính lên bảng, cho 1 HS lên thực hiện tính nhân.</p> <p>Nhận xét kết quả HĐ3.</p> <p>– HĐ4: Chiếu đề bài lên bảng cho HS thực hiện. Cho 2 HS lên thực hiện.</p> <p>Nhận xét, đánh giá bài làm của HS. Cho HS rút ra cách nhân 2 số thập phân khác dấu, hai số thập phân cùng âm.</p>	<p>HS dưới lớp thực hiện. 1 HS lên bảng trình bày.</p> <p>HS thực hiện cá nhân. 2 HS lên bảng trình bày.</p> <p>HS dưới lớp nhận xét, trình bày cách nhân hai số thập phân.</p>
<p>– Hộp kiến thức : GV chiếu nội dung Hộp kiến thức và giảng giải, yêu cầu HS ghi chép vào vở.</p> <p>Cho HS nêu bằng lời các quy tắc nhân 2 số thập phân khác dấu, cùng dấu.</p> <p>Chú ý: Tích của hai số cùng dấu luôn dương, tích của hai số khác dấu luôn âm.</p> <p>Ví dụ 2: GV chữa ví dụ chi tiết, đặt tính theo cột (chú ý cho HS đặt tính nhân hai số thập phân dương).</p>	<p>HS nghe hiểu, ghi chép.</p> <p>HS trình bày.</p> <p>HS quan sát, nghe hiểu, ghi chép.</p>

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

a) Mục tiêu: Vận dụng quy tắc nhân hai số thập phân làm các bài tập tính toán.

b) Nội dung: Luyện tập 2; Bài tập 7.6a,b (SGK tr.34)

c) Sản phẩm:

Luyện tập 2: a) $2,72 \cdot (-3,25) = -(2,72 \cdot 3,25) = 8,84$;

b) $(-0,827) \cdot (-1,1) = 0,827 \cdot 1,1 = 909,7$.

Bài tập 7.6: a) $8,625 \cdot (-9) = -(8,625 \cdot 9) = -77,625$;

b) $(-0,325) \cdot (-2,35) = 0,325 \cdot 2,35 = 0,76375$;

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Cho HS thực hiện cá nhân Luyện tập 2.</p> <p>Cho 2 HS lên bảng thực hiện, yêu cầu HS dưới lớp nhận xét kết quả.</p> <p>GV nhận định, đánh giá kết hoạt động học của HS.</p>	<p>HS hoạt động cá nhân thực hiện.</p> <p>2 HS lên bảng trình bày bài.</p> <p>HS dưới lớp nhận xét bài làm của bạn, báo cáo kết quả cá nhân.</p>
<p>– Đưa đề Bài tập 7.6 lên bảng, cho HS hoạt động theo cặp đôi. Sau đó mời đại diện 2 nhóm lên trình bày bài làm.</p> <p>Nhận xét, đánh giá.</p> <p>Chốt lại quy tắc nhân hai số thập phân.</p> <p>Chú ý những sai lầm HS thường mắc phải:</p> <p>Khi nhân hai số khác dấu: HS đặt tính song, không ghi “–” vào kết quả; sau khi nhân xác định phần nguyên, phần thập phân ở kết quả không đúng.</p>	<p>HS thực hiện làm bài theo cặp đôi.</p> <p>2 HS lên bảng, HS dưới lớp quan sát nhận xét.</p> <p>Nghe hiểu.</p>

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (7 phút)

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn. Giáo dục ý thức tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường.

b) **Nội dung:** Mức tiêu thụ nhiên liệu của một chiếc xe máy là 1,6 lít trên 100 kilômét. Giá một lít xăng E5 RON 92-II ngày 20/10/2020 là 14260 đồng (đã bao gồm thuế). Một người đi chiếc xe máy đó trên quãng đường 100 km thì sẽ hết bao nhiêu tiền xăng?

c) **Sản phẩm:** Số tiền xăng để đi 100 km là: $1,6 \cdot 14260 = 22816$ (đồng).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>Chiếu đề bài lên bảng, cho HS đọc, thực hiện chung cả lớp.</p> <p>GV gợi ý nếu cần: Mỗi lít xăng giá bao nhiêu? Chiếc xe máy đi 100 km hết bao nhiêu lít xăng? Hết bao nhiêu tiền xăng?</p>	<p>HS đọc, trình bày cách giải.</p> <p>HS trả lời theo các câu hỏi gợi ý.</p>

<p>Nhận xét, đánh giá.</p> <p>GV chiếu một số hình ảnh phương tiện xe máy giờ cao điểm, giới thiệu về sự ô nhiễm môi trường do khí thải từ phương tiện xe máy gây ra (tham khảo thông tin, hình ảnh trên các tờ báo mạng uy tín). Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, tiết kiệm nhiên liệu.</p>	<p>1 HS lên bảng trình bày. HS dưới lớp nhận xét, chia sẻ.</p> <p>HS quan sát.</p> <p>Đưa ra các biện pháp chống ô nhiễm môi trường từ khí thải xe máy.</p>
--	---

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn lại quy tắc cộng, trừ, nhân số thập phân.
- Bài tập 7.11 trang 34/SGK; 7.9 trang 27/SBT.

TIẾT 89

Bài 29. TÍNH TOÁN VỚI SỐ THẬP PHÂN (Tiết 3)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

HS thực hiện được phép tính chia các số thập phân.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh chủ động tham gia và trao đổi thông qua hoạt động nhóm, biết chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau trong học tập.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: HS quy được phép chia các số thập phân bất kì về phép chia các số thập phân dương.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: HS biết vận dụng kiến thức của phép chia số thập phân vào giải quyết bài toán thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Trung thực: Các nhóm báo cáo trung thực, đánh giá công bằng, khách quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu để chiếu các phép đặt tính.

2. Chuẩn bị của HS: Ôn lại cách đặt tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân đã học ở Tiểu học; xem lại cách đưa các phép tính với số nguyên về các phép tính với số tự nhiên đã học trong Chương III.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

a) **Mục tiêu:** Củng cố lại phép chia hết đối với số nguyên.

b) **Nội dung:** Cho học sinh trả lời kết quả các phép tính:

$$12 : (-4); \quad (-54) : 9; \quad (-35) : (-5).$$

Nêu dấu của một thương.

c) **Sản phẩm:** HS trả lời đúng: $12 : (-4) = -(12 : 4) = -3$;

$$(-54) : 9 = -(54 : 9) = -6;$$

$$(-35) : (-5) = 35 : 5 = 7.$$

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu đề bài tập, cho HS đứng tại chỗ trả lời. Cho HS nhắc lại dấu của thương. Phép chia hai số thập phân cũng thực hiện tương tự như với phép chia các số nguyên \Rightarrow Bài mới.	HS trả lời kết quả của phép tính. Nhắc lại dấu của thương: $(+) : (+) = (+)$; $(+) : (-) = (-)$ $(-) : (+) = (-)$; $(-) : (-) = (+)$.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

3. Phép chia số thập phân.

a) **Mục tiêu:** HS đưa được phép chia hai số thập phân bất kỳ về phép chia hai số thập phân dương. Thực hiện được phép chia chính xác.

b) **Nội dung:** Phần Tìm tòi – Khám phá; Hộp kiến thức; Ví dụ 3 (SGK tr.32, 33).

c) **Sản phẩm:**

– Tìm tòi – Khám phá:

$$\text{HĐ5: } 31,5 : 1,5 = 21;$$

$$\text{HĐ6: } (-31,5) : 1,5 = -(31,5 : 1,5) = -21; \quad (-31,5) : (-1,5) = 31,5 : 1,5 = 21;$$

– Hộp kiến thức: Chia hai số cùng dấu: $(-a) : (-b) = a : b$ với $a, b > 0$;

Chia hai số khác dấu: $(-a) : b = a : (-b) = -(a : b)$ với $a, b > 0$.

Thương của hai số cùng dấu là số dương, thương của hai số khác dấu là số âm.

Ví dụ 3 (SGK tr.33).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV thực hiện nội dung tìm tòi khám phá. Ghi phép tính HĐ5 lên bảng, cho 1 HS lên thực hiện. Nhận xét bài của HS.</p> <p>– Chiếu đề bài HĐ6, cho HS thực hiện cá nhân, hai em lên bảng thực hiện.</p> <p>GV nhận định, đánh giá. Rút ra cho HS thấy được cách chia hai số thập phân khác dấu, chia hai số thập phân âm.</p> <p>– Chiếu nội dung Hộp kiến thức giảng giải cho HS. Hỏi: Thương của hai số khi nào là số dương? Khi nào là số âm? – Sử dụng Ví dụ 3 SGK minh họa lại nội dung Hộp kiến thức.</p> <p>GV hướng dẫn HS thực hiện từng bước: đặt phép tính, trình bày kết quả (có thể sử dụng hiệu ứng Powerpoint trình chiếu cách đặt tính).</p> <p>– Chú ý rằng nếu nhân (chia) 2 số cùng dấu được kết quả là số dương, nhân (chia) hai số khác dấu được kết quả là số âm.</p>	<p>HS thực hiện cá nhân. 1 HS lên thực hiện phép tính trên bảng. HS dưới lớp nhận xét.</p> <p>HS thực hiện. 2 HS lên bảng. HS dưới lớp nhận xét, báo cáo kết quả. HS nghe hiểu.</p> <p>Nghe hiểu, ghi chép. Trả lời.</p> <p>HS nghe hiểu, ghi chép, trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của GV.</p> <p>HS nghe hiểu.</p>

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức phép chia hai số thập phân để tính toán.

b) Nội dung: Luyện tập 3; Bài tập 7.7 (SGK tr.34).

c) Sản phẩm:

Luyện tập 3: a) $(-5,24) : 1,31 = -(5,24 : 1,31) = -4$;

b) $(-4,625) : (-1,25) = 4,625 : 1,25 = 3,7$.

Bài tập 7.7 (SGK tr.34): a) $(-4,125) \cdot 0,01 = -0,04125$;

b) $(-28,45) : (-0,01) = 28,45 : 0,01 = 2845$.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Ghi phép tính Luyện tập 3, cho HS thực hiện cá nhân, 2 HS lên bảng trình bày.</p> <p>Nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ của HS.</p> <p>– Chiều Bài tập 7.7 (SGK tr.34) cho HS đọc và thực hiện theo cặp đôi.</p> <p>GV quan sát, giúp đỡ các nhóm (nếu cần).</p> <p>GV nhận xét đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HS.</p>	<p>HS thực hiện cá nhân.</p> <p>2 HS lên bảng thực hiện.</p> <p>HS dưới lớp trao đổi chéo bài kiểm tra, báo cáo kết quả.</p> <p>HS thực hiện theo cặp.</p> <p>Đại diện HS trình bày kết quả.</p> <p>HS lớp nhận xét, chia sẻ.</p>

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức giải quyết bài toán thực tế.

b) Nội dung: Vận dụng 3 (SGK tr.33).

c) Sản phẩm: Số dư trong tài khoản là: $(-1,252) : 2 = -(1,252 : 2) = -0,626$ (tỉ đồng).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Chiều đề bài tập Vận dụng 3, cho HS thực hiện theo nhóm. GV hỗ trợ các nhóm thực hiện.</p> <p>GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.</p> <p>Chú ý: HS có thể sai lầm hoặc khó hiểu: số dư tài khoản là gì?, trả được một nửa nghĩa là trừ 2 tỉ,...</p>	<p>HS hoạt động nhóm thực hiện.</p> <p>HS báo cáo kết quả.</p>

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

– Ôn lại quy tắc cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

– Bài tập 7.6c/SGK tr.34; 7.10/SBT tr.27.

Bài 29. TÍNH TOÁN VỚI SỐ THẬP PHÂN (Tiết 4)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

HS nhận biết và vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Đề xuất được cách giải quyết vấn đề, đánh giá được cách giải quyết của bạn.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Quan sát, phát hiện các dấu hiệu trong bài toán để có thể tính nhanh, tính hợp lý, giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra.
- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Ôn lại cách đặt tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân đã học ở Tiểu học; xem lại cách đưa các phép tính với số nguyên về các phép tính với số tự nhiên đã học trong Chương III.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: NÊU VẤN ĐỀ (3 phút)

a) **Mục tiêu:** Cho HS nhớ lại các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng và phép nhân số nguyên nhằm hướng đến sử dụng các tính chất này với số thập phân.

b) **Nội dung:** Cho HS thực hiện tính hợp lí một bài tập liên quan đến việc sử dụng kết hợp các phép tính. Chẳng hạn:

$$a) 23 \cdot 67 - 300 + 23 \cdot 33;$$

$$b) 13 \cdot (23 + 22) - 3 \cdot (17 + 28).$$

c) **Sản phẩm:** HS sử dụng tính chất các phép tính để thực hiện.

Kết quả: a) 2000;

b) 450.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu đề bài cho HS thực hiện cá nhân. Trả lời nhanh tại chỗ.	HS trả lời.
– GV chiếu bài giải trên bảng, cho HS nhận xét về các tính chất đã được sử dụng trong các phép toán trên.	HS quan sát, trả lời.

Hoạt động 2: CÁC VÍ DỤ (20 phút)

a) **Mục tiêu:** HS Áp dụng các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân với phép cộng để tính nhanh, tính hợp lí.

b) **Nội dung:** Ví dụ 4, Ví dụ 5 (SGK tr.33).

c) **Sản phẩm:**

– Ví dụ 4:

$$a) 3,45 - 5,7 + 8,55 = (3,45 + 8,55) - 5,7 = 12 - 5,7 = 6,3.$$

$$b) (2,6 - 2,6 \cdot 3) : (1,153 + 1,447) = (2,6 \cdot 1 - 2,6 \cdot 3) : 2,6 = 2,6 \cdot (1 - 3) : 2,6 = -2.$$

– Ví dụ 5: Thay $x = -1,2$ vào biểu thức, ta được:

$$A = [2 \cdot (-1,2) - 1,5] + (-1,2) : 2 = (-2,4 - 1,5) + (-1,2 : 2) = -(2,4 + 1,5) + (-0,6) \\ = -3,9 + (-0,6) = -4,5.$$

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu Ví dụ 4, cho HS thực hiện cá nhân ý a.	HS thực hiện cá nhân.
GV nhận xét, đánh giá.	1 HS lên bảng thực hiện. HS dưới lớp nhận xét.
GV giảng giải, hướng dẫn HS thực hiện ý b.	HS trả lời thực hiện theo hướng dẫn.
– Ghi Ví dụ 5, hướng dẫn HS thực hiện.	HS thực hiện cá nhân.
Cho 1 HS lên bảng trình bày.	1 HS lên bảng chữa bài.
GV nhận xét, chữa bài cẩn thận theo các bước cho HS.	Nhận xét, đánh giá bài của bạn.
Chốt lại kiến thức.	

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (15 phút)

a) **Mục tiêu:** HS sử dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán.

b) **Nội dung:** Luyện tập 4; Bài tập 7.8 (SGK tr.34).

c) **Sản phẩm:**

– Luyện tập 4:

$$21 \cdot 0,1 - [4 - (-3,2 - 4,8)] : 0,1 = 2,1 - [4 + 8] : 0,1 = 2,1 - 12 : 0,1 = 2,1 - 120 = -117,9.$$

– Bài tập 7.8 (SGK tr.34):

$$2,5 \cdot (4,1 - 3 - 2,5 + 2 \cdot 7,2) + 4,2 : 2 = 2,5 \cdot (-1,4 + 14,4) + 2,1 = 2,5 \cdot 13 + 2,1 = 34,6.$$

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Chiếu đề bài lên bảng, phát phiếu và GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân.</p> <p>GV theo dõi, hỗ trợ HS.</p> <p>Nhận xét, đánh giá việc thực hiện bài tập của HS.</p> <p>– Chú ý cho HS nhắc lại thứ tự thực hiện phép tính, chẳng hạn: $2,1 - [4 + 8] : 0,1$.</p>	<p>HS thực hiện cá nhân vào phiếu học tập. 2 HS lên bảng trình bày.</p> <p>HS dưới lớp đổi chéo bài để kiểm tra, báo cáo kết quả.</p> <p>HS nhắc lại được thứ tự thực hiện phép tính.</p>

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết bài toán thực tế.

b) **Nội dung:** Vận dụng 4, Thử thách nhỏ (SGK tr.34).

c) **Sản phẩm:** Vận dụng 4: Độ cao của tàu so với mực nước biển sau 10 phút là:

$$-0,21 - (0,021 \cdot 10) = -0,21 - 0,21 = -0,42 \text{ (km)}.$$

Thử thách nhỏ: a) Mai chọn hai số: $-0,75; 120$; b) Hà chọn 2 số: $-3,2; -0,1$.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Chiếu nội dung Vận dụng 4 cho HS thảo luận nhóm thực hiện.</p>	<p>HS thảo luận nhóm.</p> <p>Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. HS lớp nhận xét.</p>

<p>Gợi ý (nếu cần): Sau 10 phút tàu lặn xuống được thêm bao nhiêu km? Khi đó tàu ở độ cao so với mặt nước biển là bao nhiêu?</p> <p>– GV nhận xét, sửa chữa.</p> <p>Chú ý sai lầm của HS: $-0,21 - 0,21 = 0$.</p> <p>– GV chiếu đề bài Thử thách nhỏ lên bảng.</p> <p>Cho HS trao đổi theo cặp.</p> <p>Cặp nào xong nhanh nhất sẽ trả lời, ghi điểm.</p> <p>GV nhận định, đánh giá: Kết quả làm bài, ý thức làm việc nhóm.</p>	<p>HS trao đổi nhóm.</p> <p>Đại diện nhóm trình bày.</p> <p>HS lớp nhận xét, chia sẻ.</p>
---	---

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn lại các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc của số nguyên vận dụng tương tự với số thập phân.
- Bài tập 7.8b/SGK tr.34; 7.11; 7.12/SBT tr.27.